

Dạng thức bài thi năng khiếu  
nghệ thuật thị giác

*Tuyển sinh đại học ngành Nghệ thuật thị giác*



*Hà Nội, tháng 4 năm 2024*

**DẠNG THỨC BÀI THI NĂNG KHIẾU NGHỆ THUẬT  
TUYỂN SINH ĐẠI HỌC NGÀNH NGHỆ THUẬT THỊ GIÁC**  
-----

**Phần thứ nhất  
TỔNG QUAN VỀ KỲ THI**  
-----

Kỳ thi năng khiếu tuyển sinh vào các ngành đào tạo thuộc lĩnh vực nghệ thuật, mỹ thuật là kỳ thi bổ trợ cho hoạt động tuyển sinh được quy định tại khoản 13, Điều 2, Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành giáo dục mầm non ban hành kèm theo Thông tư 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

**1. Mục đích của kỳ thi**

Đánh giá năng lực thẩm mỹ và sáng tạo của thí sinh có nhu cầu đăng kí xét tuyển đại học vào ngành Nghệ thuật thị giác (với 2 chuyên ngành là *Nhiếp ảnh nghệ thuật* và *Nghệ thuật tạo hình đương đại*) tại Trường Khoa học liên ngành và Nghệ thuật và các ngành đào tạo cùng nhóm, cùng lĩnh vực tại các cơ sở đào tạo khác có nhu cầu sử dụng kết quả kỳ thi.

**2. Tính chất của kỳ thi**

Kỳ thi có tính chất là kỳ thi bổ trợ, cung cấp một hợp phần của điểm xét tuyển vào từng chuyên ngành (*Nhiếp ảnh nghệ thuật* và *Nghệ thuật tạo hình đương đại*) của ngành Nghệ thuật thị giác của Trường khoa học liên ngành và Nghệ thuật.

**3. Cấu trúc của kỳ thi và dạng thức bài thi của kỳ thi**

**3.1. Cấu trúc của kỳ thi**

- Kỳ thi có 2 vòng thi. Hằng năm, có thể tổ chức một số vòng sơ tuyển nhưng chỉ tổ chức một vòng thi chung tuyển. Thí sinh vào vòng chung tuyển được xét chọn từ toàn bộ các thí sinh dự thi sơ tuyển. Thí sinh có kết quả sơ tuyển đạt yêu cầu vào chung tuyển nhiều lần thì sử dụng bài thi đạt kết quả cao nhất.

- Vòng sơ tuyển với hình thức thi là *Hồ sơ tác phẩm*. Vòng chung tuyển với hình thức thi là *Thực hành và phỏng vấn* thực hiện riêng cho từng chuyên ngành.

- Thí sinh dự thi đăng ký dự tuyển chuyên ngành nào thì làm bài thi của chuyên ngành đó. Phần thi thực hành của chuyên ngành *Nhiếp ảnh nghệ thuật* là bài thi *Thiết kế ý tưởng tác phẩm* và của chuyên ngành *Nghệ thuật tạo hình đương đại* là bài thi *Phác thảo ý tưởng tác phẩm*.

- Vòng thi chung tuyển có thể có nhiều ca thi. Mỗi ca thi tổ chức thành hai phần thi: Thực hành (thi trước) và Phỏng vấn (thi sau). Trường hợp bất khả kháng, thí sinh không dự thi được một phần thi thì kết quả thi chung tuyển không được công nhận.

### **3.2. Dạng thức bài thi**

Dạng thức bài thi Năng khiếu Nghệ thuật thị giác tuyển sinh đại học ngành Nghệ thuật thị giác (vòng sơ tuyển, vòng chung tuyển) của Trường Khoa học liên ngành và Nghệ thuật trực thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội (ĐHQGHN) bao gồm:

- Thông tin chung về bài thi: Tên bài thi, mục tiêu đánh giá, các hợp phần của bài thi và sử dụng kết quả của bài thi.

- Cấu trúc bài thi: Cấu trúc chung, cơ cấu nội dung, đề cương chi tiết.

- Phương pháp tính điểm bài thi.

- Mục tiêu, tiêu chí, thang đo và thang điểm đánh giá

- Phương pháp làm bài của thí sinh.

- Phương pháp chấm điểm bài thi.

## **4. Phương thức tổ chức thi**

### **4.1. Đối tượng và điều kiện dự thi**

a) Đối tượng dự thi:

- Vòng sơ tuyển: Là học sinh THPT, đang học lớp 12 vào năm dự thi hoặc đã tốt nghiệp THPT, tự nguyện đăng kí dự thi được xác định bằng việc đồng ý với *Điều khoản thỏa thuận dự thi* khi đăng kí dự thi, không vi phạm vào quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo về điều kiện tham dự các kì thi tuyển sinh đại học.

- Vòng chung tuyển: Là thí sinh đã hoàn thành bài thi sơ tuyển, đáp ứng yêu cầu ngưỡng đảm bảo chất lượng do Hội đồng thi năng khiếu tuyển sinh đại học Trường Khoa học liên ngành và Nghệ thuật xác định (gọi tắt là Hội đồng thi) và được Hội đồng thi thông báo đạt yêu cầu vào thi chung tuyển của kỳ thi.

b) Điều kiện dự thi:

- Thí sinh phải sử dụng một tài khoản thư điện tử (email) kể từ khi thí sinh đăng kí dự thi tại Cổng thông tin tuyển sinh của Trường Khoa học liên ngành và Nghệ thuật (<https://tuyensinh.sisvnu.edu.vn/>) cho đến khi nhận chứng nhận kết quả thi. Trường hợp mất quyền truy cập tài khoản thư điện tử, thí sinh báo với

Hội đồng thi để được hỗ trợ nhưng thí sinh chịu trách nhiệm hoàn toàn về các phát sinh từ việc mất quyền này (nếu có).

- Mỗi ca thi, thí sinh xuất trình căn cước công dân (CCCD) hoặc giấy chứng nhận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền thay thế cho căn cước công dân, có số CCCD đúng với số CCCD trong phiếu đăng kí dự thi.

- Trước khi vào thi, thí sinh nộp 01 ảnh màu (4 cm x 6 cm), chụp chân dung thí sinh trên phông nền màu xanh hoặc sáng, không đeo kính, không đội mũ, không có bất kỳ hình nào khác trên ảnh, ghi họ tên, số CCCD, mã ca thi ở mặt sau của ảnh.

## **4.2. Đăng kí dự thi**

a) Thí sinh được đăng kí dự thi sơ tuyển để xét tuyển vào một chuyên ngành nhiều lần trong năm nhưng khoảng cách giữa hai lần liền kề nộp bài thi sơ tuyển không ít hơn 30 ngày.

b) Thí sinh đăng kí dự thi trực tuyến và nộp lệ phí dự thi theo hướng dẫn của Hội đồng thi;

c) Thí sinh nhận các xác thực, thông báo, chứng nhận do Hội đồng tuyển sinh gửi qua địa chỉ thư điện tử thí sinh khai báo khi đăng kí dự thi.

## **4.3. Tổ chức thi**

### **4.3.1. Vòng sơ tuyển**

- Thí sinh hoàn thành đăng ký dự thi được hướng dẫn làm bài thi *Hồ sơ tác phẩm* và nộp theo lịch trình do Hội đồng thi thông báo.

- Hội đồng thi quy định cụ thể các nội dung hướng dẫn thí sinh làm bài, các mốc thời gian thực hiện, quy cách làm bài thi và công nhận bài thi, cách thức làm phách và chấm thi, công bố điểm và công nhận đủ điều kiện dự thi chung tuyển cho thí sinh.

### **4.3.2. Vòng chung tuyển**

a) Tổ chức thi phần thứ nhất – Thiết kế/Phác thảo ý tưởng tác phẩm

- Thí sinh làm bài thi trực tiếp tại các phòng thi đủ tiêu chuẩn ánh sáng và không gian theo lịch trình, hướng dẫn của Hội đồng thi.

- Thí sinh được mang/không được mang các vật dụng theo quy định của Hội đồng thi vào phòng thi.

- Kết thúc phần thi thứ nhất, thí sinh nộp bài, và dự thi phỏng vấn theo lịch thi do Hội đồng thi quy định.

b) Tổ chức thi phần thứ hai - Phỏng vấn

- Thí sinh dự thi trực tiếp hoặc trực tuyến.

- Thí sinh được thông báo trước về cấu trúc phần thi phỏng vấn và mục tiêu, tiêu chí, thang đo, thang điểm đánh giá.

- Giám khảo chấm thi phỏng vấn nhận được bài thi *Hồ sơ tác phẩm* (bài thi Sơ tuyển) và bài thi *Thực hành* (phần thứ nhất bài thi Chung tuyển) của thí sinh và thực hiện việc chấm thi từng thí sinh theo trình tự như sau:

+ Chấm phần phỏng vấn;

+ Chấm phần thực hành.

### **5. Công nhận kết quả thi năng khiếu và cấp giấy chứng nhận**

- Kỳ thi có 2 lần công bố kết quả thi: Công bố kết quả sơ tuyển và công bố kết quả chung tuyển.

- Kết quả thi năng khiếu là kết quả của bài thi chung tuyển.

- Giấy chứng nhận cấp trên cơ sở cấu trúc và điểm của bài thi chung tuyển.

## **Phần thứ hai**

### **DẠNG THỨC BÀI THI NĂNG KHIẾU NGHỆ THUẬT THỊ GIÁC TUYỂN SINH ĐẠI HỌC NGÀNH NGHỆ THUẬT THỊ GIÁC (VÒNG SƠ TUYỂN)**

---

#### **1. Thông tin chung về bài thi**

##### **1.1. Giới thiệu tóm tắt**

Hồ sơ tác phẩm (tên tiếng Anh là art portfolio hay artist's portfolio) là một tập hợp tác phẩm do chính nghệ sĩ sáng tác và tuyển chọn để giới thiệu. Với một mục đích trình bày phong cách sáng tác hoặc phương pháp sáng tác của bản thân nghệ sĩ đến với người xem.

Một hồ sơ tác phẩm có thể trình bày nhiều tác phẩm với nhiều phong cách sáng tác khác biệt, đa dạng về chất liệu, phong phú về hình thức nhưng cũng có thể là hồ sơ thể hiện chuyên sâu về một khía cạnh sáng tác trong cả một sự nghiệp của nghệ sĩ. Trước đây các hồ sơ tác phẩm này được in ra thành từng vụng tập, hay được đóng thành quyển nhưng với sự phát triển của internet mà hình thức của hồ sơ tác phẩm có thể là một tập tin kỹ thuật số với các quy chuẩn kỹ thuật cụ thể.

*Bài thi Hồ sơ tác phẩm* là một tập hợp tác phẩm của thí sinh đăng ký dự tuyển vào ngành Nghệ thuật thị giác của Trường Khoa học liên ngành và Nghệ thuật đáp ứng quy chuẩn về nội dung và hình thức của bài thi cùng các quy cách khác do Hội đồng thi quy định.

Hồ sơ tác phẩm được hiểu là một bài thi trọn vẹn và duy nhất của thí sinh gửi đến nhằm mục đích xét tuyển. Dựa vào nội dung trong hồ sơ tác phẩm, Hội đồng thi đánh giá năng lực sáng tạo và thẩm mỹ của thí sinh làm căn cứ xác định một hợp phần điểm xét tuyển của thí sinh.

Thí sinh thực hiện bài thi trong thời gian Hội đồng tuyển sinh đại học Trường Khoa học liên ngành và Nghệ thuật (Hội đồng thi) quy định và nộp về Hội đồng thi theo hướng dẫn đúng thời gian quy định.

## 1.2. Tên bài thi

- Tên tiếng Việt: Bài thi Hồ sơ Tác phẩm
- Tên tiếng Anh: Art Portfolio Assesment
- Tên viết tắt: APA

## 1.3. Mục tiêu đánh giá:

Bài thi Hồ sơ tác phẩm đánh giá năng lực sáng tạo và thẩm mỹ cần có của học sinh trung học phổ thông (THPT) được xác định trong chương trình giáo dục phổ thông (CTGDPT) hiện hành và CTGDPT mới ban hành kèm theo Thông tư 32/2018/BGD&ĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, và có mục tiêu đánh giá năng lực thẩm mỹ, khả năng sáng tạo và ứng dụng những kiến thức cơ bản của tạo hình nghệ thuật vào trong từng tác phẩm của cá nhân thể hiện một tiềm năng theo học thành công ngành Nghệ thuật thị giác với hai chuyên ngành: Nhiếp ảnh nghệ thuật và Nghệ thuật tạo hình đương đại.

Bài thi đánh giá bốn nhóm năng lực chính của thí sinh dự thi:

- Sử dụng các kiến thức tạo hình cơ bản và kỹ năng ứng dụng các kiến thức tạo hình trong tác phẩm (sau đây gọi là **Năng lực cơ bản**);
- Nghiên cứu phân tích chủ đề sáng tác và hiện thực hóa bằng tác phẩm. Trong tác phẩm thể hiện khả năng tạo hình với chủ thể, kết hợp linh hoạt đa dạng các vật liệu hay phương pháp sáng tác (sau đây gọi là **Năng lực sáng tạo**);
- Diễn giải tác phẩm, giải nghĩa các hình tượng sử dụng trong tác phẩm hay giúp làm rõ hơn bối cảnh của tác phẩm bằng văn bản (sau đây gọi là **Năng lực diễn giải**);
- Thiết kế, trình bày hồ sơ tác phẩm có tính thẩm mỹ (sau đây gọi là **Năng lực thiết kế, trình bày hồ sơ**);

Yêu cầu về kiến thức, kỹ năng của mỗi năng lực được đánh giá như sau:

(\*) là các yêu cầu riêng đối với chuyên ngành *Nhiếp ảnh nghệ thuật*

Năng lực	Yêu cầu về kiến thức	Yêu cầu về kỹ năng
Cơ bản	<p>Kiến thức mỹ thuật nền tảng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Các yếu tố cơ bản trong nghệ thuật thị giác: đường nét, hình dạng, hình khối, màu sắc, sắc độ và bố cục.</li> <li>- Các nguyên lý cơ bản trong nghệ thuật: sự cân bằng (đối xứng và bất đối xứng), tỉ lệ, sự tương phản, điểm nhấn, nhịp điệu và chuyển động, sự lặp lại, đồng bộ.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kỹ năng kể chuyện bằng hình ảnh</li> <li>- Kỹ năng sử dụng các công cụ và phương pháp sáng tác: bút chì, bút lông, màu sắc.</li> <li>- Kỹ năng biểu diễn bố cục ở mức cơ bản, thể hiện yếu tố chính và phụ trong tác phẩm.</li> <li>- Kỹ năng biểu đạt hình ảnh bằng đường nét phong phú (dài – ngắn; mau – thưa; dày – mỏng)</li> <li>- Kỹ năng biểu diễn sắc độ đậm nhạt (sắc độ sáng – trung gian – tối)</li> <li>- Kỹ năng sử dụng các công cụ tạo tác ra hình ảnh như máy ảnh, máy tính...(*)</li> </ul>
Sáng tạo	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiến thức nghệ thuật nền tảng: lịch sử, xu hướng, trào lưu nghệ thuật, tác giả, tác phẩm, chủ đề sáng tác và chủ thể sáng tác,...</li> <li>- Tác phẩm nghệ thuật có ảnh hưởng đến cá nhân người sáng tác: tác giả, tác phẩm, chất liệu và phương pháp sáng tác, chủ đề tác phẩm, chủ thể sáng tác,...</li> <li>- Phân tích và khai thác chủ đề và chủ thể của tác phẩm đang thực hiện.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kỹ năng ghi nhớ, tưởng tượng, khái quát hoá, trừu tượng hoá, liên tưởng hoá.</li> <li>- Kỹ năng quan sát và tạo hình chủ thể, ứng dụng các nguyên tố và nguyên lý cơ bản của tạo hình để làm rõ thông điệp muốn truyền tải cũng như biểu đạt trong tác phẩm.</li> <li>- Kỹ năng tư duy sáng tạo với những ý tưởng hay kết hợp các chất liệu và phương pháp sáng tác nghệ thuật.</li> <li>- Năng lực tạo nghĩa cho hình ảnh khi sắp xếp kể chuyện bằng hình ảnh (*)</li> </ul>
Diễn giải	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiến thức nghệ thuật nền tảng: lịch sử, xu hướng, trào lưu nghệ thuật, tác giả, tác phẩm, chủ đề sáng tác và chủ thể sáng tác,...</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kỹ năng diễn đạt ý tưởng, cảm hứng sáng tạo bằng văn bản</li> </ul>

Năng lực	Yêu cầu về kiến thức	Yêu cầu về kỹ năng
Thiết kế, trình bày hồ sơ	Kiến thức thiết kế dàn trang cơ bản: - Trình bày các tác phẩm mạch lạc, rõ ràng - Có tính thẩm mỹ	- Kỹ năng sử dụng công cụ thiết kế để trình bày hồ sơ tác phẩm

## 2. Cấu trúc và đề cương chi tiết của bài thi hồ sơ tác phẩm

### 2.1. Cấu trúc chung

- Mỗi tác phẩm được giới thiệu trong Hồ sơ tác phẩm của thí sinh dự thi (bao gồm cả ảnh chụp tác phẩm và diễn giải về từng tác phẩm) đều do thí sinh thực hiện trong vòng đủ 3 năm tính đến ngày nộp bài thi. Tập hợp các tác phẩm tạo thành Hồ sơ tác phẩm.

- Hồ sơ tác phẩm gồm trang bìa (1 trang), trang giới thiệu về Hồ sơ tác phẩm (1 trang), trang mục lục (1 trang) và các trang nội dung. Mỗi tác phẩm giới thiệu trong 1 hoặc một số trang nội dung nhưng tổng số trang nội dung của bài thi không quá 25 trang. Trong hồ sơ tác phẩm, tuyệt đối không có bất kỳ thông tin nào của người dự thi dưới mọi hình thức. Thông tin thí sinh dự thi được lập thành bản (tệp) riêng, đi kèm với Hồ sơ tác phẩm.

- Mỗi hồ sơ tác phẩm gồm ảnh chụp 8 tác phẩm và phần thông tin giới thiệu đi kèm. Trong đó, có quy định **số lượng tối thiểu loại hình** tác phẩm như sau:

+ Với chuyên ngành *Nhiếp ảnh nghệ thuật* phải có tối thiểu là 5 tác phẩm nhiếp ảnh.

+ Với chuyên ngành *Nghệ thuật tạo hình đương đại* phải có tối thiểu là 5 tác phẩm mỹ thuật tạo hình.

### 2.2. Cơ cấu kiến thức, kỹ năng các phần thi

Cơ cấu kiến thức, kỹ năng các phần thi được phân bổ như sau:

- Năng lực cơ bản: 20%
- Năng lực sáng tạo: 40%
- Năng lực diễn giải: 30%
- Năng lực thiết kế, trình bày hồ sơ: 10%

-----  
Tổng: 100%

### 2.3. Đề cương chi tiết của bài thi Hồ sơ tác phẩm:

#### 2.3.1. Tác phẩm:



a) Mục tiêu đánh giá

- Thí sinh thể hiện năng lực sử dụng công cụ sáng tác như bút chì, bút lông, màu sắc,...

- Có khả năng ứng dụng các kiến thức tạo hình nền tảng để kể chuyện bằng hình ảnh như bố cục, nét vẽ, màu sắc, đậm nhạt,...

- Thể hiện sự hiểu biết trong lĩnh vực nghệ thuật thị giác dựa trên các yếu tố lựa chọn chủ đề và chủ thể sáng tạo

- Thông qua tác phẩm hội đồng tuyển sinh mong muốn nhìn thấy minh chứng về năng lực sáng tạo với các chủ đề, khả năng tạo hình, kể chuyện với chủ thể sáng tác.

b) Chất liệu và phương pháp sáng tác:

Chất liệu và phương pháp sáng tác

- Tất cả các hình thức vẽ đơn sắc như chì, than, phấn, bút marker,....

- Sáng tác hội họa như sơn dầu, màu acrylic, màu nước, màu gauche, sơn mài, lụa,...

- Vẽ kỹ thuật số bằng các phần mềm đồ họa chuyên nghiệp trên máy tính hoặc các ứng dụng vẽ trên điện thoại hay máy tính bảng

- Tranh in thủ công như tranh in khắc gỗ, in kẽm, in đá, in lưới, in độc bản, in đa chất liệu,...

- Tượng điêu khắc hay mô hình bằng đất, thạch cao, đá, gỗ hoặc sử dụng chất liệu tái chế)

- Tác phẩm nhiếp ảnh

c) Quy cách tác phẩm

- Tranh vẽ, sáng tác hội họa, tranh in được thực hiện trên giấy, trên vải vẽ hay vẽ kỹ thuật số kích thước mỗi chiều không bé hơn 20 cm.

- Tác phẩm điêu khắc thì kích thước mỗi chiều (chiều cao x chiều ngang x chiều rộng) không bé hơn 20 cm;

- Tranh vẽ kỹ thuật số, tác phẩm nhiếp ảnh phải được xuất ra tập tin jpge và dung lượng tập tin không được nhỏ hơn 2.5 MB

d) Quy định ảnh chụp tác phẩm

- Tất cả ảnh chụp tác phẩm phải là ảnh màu và không được phép sai lệch màu với tác phẩm gốc. Ảnh chụp rõ nét và kích thước tập tin ảnh tối thiểu là 2Mb.

- Đối với tác phẩm 2D thì yêu cầu có 1 ảnh chụp chính diện thể hiện toàn bộ tác phẩm và 1 ảnh chụp chi tiết một phần của tác phẩm mà thí sinh cảm thấy cần thiết trình bày cho hội đồng khảo thí xem.

- Đối với tác phẩm 3D thì yêu cầu có tối thiểu 3 ảnh chụp tác phẩm với các góc chụp: chính diện, góc 45 độ, mặt sau. Thí sinh có thể đính kèm ảnh chụp góc khác nếu như là điều cần thiết để hội đồng khảo thí có cái nhìn trọn vẹn về tác phẩm 3D trong không gian.

### **2.3.2. Diễn giải về tác phẩm:**

Diễn giải về tác phẩm bao gồm hai phần: Thông tin cơ bản về tác phẩm và diễn giải về cảm hứng sáng tạo của thí sinh.

Diễn giải về tác phẩm có thể làm rõ bối cảnh của tác phẩm hoặc diễn giải sâu hơn về ý nghĩa và thông điệp của hình tượng nằm trong tác phẩm

#### **a) Mục tiêu đánh giá**

- Năng lực phân tích chủ đề, chủ thể sáng tạo.
- Trình bày mạch lạc, khúc triết về ý tưởng hay cảm hứng sáng tạo

#### **b) Dạng thức và yêu cầu**

- Thông tin cơ bản về tác phẩm bao gồm: tên tác phẩm, kỹ thuật sáng tác hay chất liệu sáng tác, chất liệu cấu thành nên tác phẩm, kích thước của tác phẩm, năm sáng tác.

- Diễn giải về cảm hứng sáng tạo là trình bày về quá trình sáng tạo nên tác phẩm hay cảm hứng sáng tác dựa trên những quan sát hay nghiên cứu của bản thân về chủ đề hoặc chủ thể sáng tạo.

- Mỗi diễn giải về tác phẩm phải được viết bằng tiếng Việt đầy đủ dấu và dung lượng cho một tác phẩm tối thiểu là 200 từ và tối đa 300 từ.

### **2.3.3. Trình bày**

#### **a) Nguyên tắc**

Hồ sơ tác phẩm như một đại diện về năng lực sáng tạo, năng lực thẩm mỹ của thí sinh; như ấn tượng ban đầu về thí sinh, sáng tác của thí sinh trước Hội đồng thi. Do vậy, việc trình bày cần gắn với nhận thức này.

#### **b) Mục tiêu đánh giá**

- Ý đồ rõ ràng trong việc trình bày tác phẩm của bản thân.
- Thái độ nghiêm túc trong việc trình bày tác phẩm.
- Năng lực sử dụng những ứng dụng thiết kế cơ bản để trình bày hồ sơ.

- Năng lực thẩm mỹ

c) Quy cách:

- Nhất quán về phong chữ sử dụng.
- Rõ ràng, mạch lạc và có ý đồ về việc trình bày tác phẩm cá nhân.
- Hải hòa, thống nhất trong việc dàn trang.
- Thêm vào (không bắt buộc) hợp lý những yếu tố trang trí.
- Khổ giấy A4 (210mm x 297mm) xoay ngang.
- Trình bày hồ sơ không được vượt quá khuôn khổ quy định.

Lưu ý: Thí sinh không sao chép, tái hiện lại hoặc mô phỏng nguyên bản những tác phẩm nghệ thuật của người khác

### **3. Phương pháp tính điểm bài thi**

- Điểm tối đa của bài thi là **10** điểm.
- Điểm bài thi chấm theo thang điểm 10, lẻ đến 0,1 điểm.
- Trọng số điểm của mỗi phần:

+ Năng lực cơ bản:	20%
+ Năng lực sáng tạo:	40%
+ Năng lực diễn giải:	30%
+ Năng lực thiết kế, trình bày hồ sơ:	10%

### **4. Mục tiêu, tiêu chí, thang đo và thang điểm đánh giá**

#### **4.1. Mục tiêu đánh giá:**

- [M1] Kiến thức mỹ thuật tạo hình căn bản và kỹ năng sáng tạo cơ bản với các hình thức tạo hình mỹ thuật
- [M2] Năng lực sáng tạo kể chuyện bằng hình ảnh
- [M3] Năng lực phân tích, diễn giải và biểu đạt nội hàm tác phẩm nghệ thuật bằng văn bản
- [M4] Năng lực thiết kế và trình bày nội dung hồ sơ tác phẩm

#### **4.2. Tiêu chí đánh giá**

- [P1] Hiểu và ứng dụng kiến thức nghệ thuật căn bản vào sáng tác;
- [P2] Sáng tạo trong việc biểu đạt chủ đề và chủ thể tác phẩm;
- [P3] Diễn giải và trình bày tác phẩm bằng văn bản để nêu bật định hướng sáng tạo cũng như mục tiêu học tập của từng tác phẩm.
- [P4] Thiết kế và trình bày hồ sơ tác phẩm có tính thẩm mỹ.

### 4.3. Thang đo tiêu chí đánh giá

Tiêu chí	Tốt	Khá	Đạt	Chưa đạt
	85% - 100%	70% - cận 85%	50% - cận 70%	Dưới 50%
P1	Năng lực thẩm mĩ: bố cục, màu sắc, đậm nhạt, tỷ lệ, kỹ thuật thể hiện tốt và gắn kết chặt chẽ với tạo hình của chủ thể cũng như thể hiện khả năng đối thoại thông điệp tới người xem	Năng lực thẩm mĩ: bố cục, màu sắc, đậm nhạt, tỷ lệ, kỹ thuật thể hiện hài hòa và nhìn được sự cố gắng gắn kết với tạo hình của chủ thể	Năng lực thẩm mĩ: bố cục, màu sắc, đậm nhạt, tỷ lệ, kỹ thuật thể hiện đúng với nguyên lý cơ bản	Năng lực thẩm mĩ: bố cục, màu sắc, tỷ lệ, hình, kỹ thuật chưa thể hiện đúng, đầy đủ.
P2	Bài thi thể hiện tư duy, ý tưởng sáng tạo độc đáo, mới lạ của cá nhân và khả năng ứng dụng thực tiễn.	Bài thi thể hiện tư duy, ý tưởng sáng tạo rõ ràng và khả năng ứng dụng thực tiễn.	Bài thi thể hiện được một trong hai khả năng tư duy, ý tưởng sáng tạo và khả năng ứng dụng thực tiễn.	Bài thi chưa thể hiện được tư duy ý tưởng sáng tạo và khả năng ứng dụng thực tiễn.
P3	Cấu trúc mạch lạc, luận điểm sáng tạo, hợp lý, luận cứ rõ ràng.	Cấu trúc mạch lạc, luận điểm hợp lý, luận cứ rõ ràng.	Cấu trúc mạch lạc, luận điểm cơ bản và luận cứ cơ bản.	Cấu trúc không rõ ràng, thiếu liên kết, thiếu luận điểm và luận cứ.
P4	Trình bày rõ ràng, thiết kế có tính sáng tạo, có ý đồ trong việc trình bày tác phẩm và có tính thẩm mỹ riêng	Trình bày rõ ràng, thiết kế có tính sáng tạo và có tính thẩm mỹ riêng	Trình bày rõ ràng hài hòa có thể truyền tải nội dung tác phẩm cũng như thông điệp	Trình bày không rõ ràng, thiết kế chưa mạch lạc

### 4.3. Thang điểm đánh giá

Tiêu chí	Mục tiêu bài thi Hồ sơ tác phẩm				Tổng điểm
	M1	M2	M3	M4	
P1	0.5	0.5	0.5	0.5	2
P2	1.0	1.0	1.0	1.0	4
P3	0.75	0.75	0.75	0.75	3
P4	0.25	0.25	0.25	0.25	1
Tổng cộng					10

### 5. Phương pháp làm bài

- Thí sinh tự chuẩn bị bài sáng tác tại nhà hoặc sử dụng sáng tác đã có trong thời gian sáng tác quy định (không quá 3 năm tính đến thời điểm nộp hồ sơ). Không có giới hạn về chất liệu hay kích thước tác phẩm. Mỗi tác phẩm được hiểu là trọn vẹn từ khâu lên ý tưởng, lựa chọn vật liệu sáng tác và hoàn thiện sáng tác.

- Thí sinh tự chụp tác phẩm và đính vào hồ sơ tác phẩm.

- Thí sinh có thể tự thiết kế bài thi thể hiện tư duy, ý tưởng sáng tạo theo phong cách riêng trong khuôn khổ đã được quy định.

### 6. Phương pháp chấm điểm bài thi

6.1. Bài thi được gán phách trước khi chấm thi;

6.2. Tổ chấm thi có 2 giám khảo. Bài thi được trình chiếu trên máy tính do Hội đồng thi sắp xếp.

6.3. Mỗi giám khảo chấm điểm độc lập trên phiếu chấm điểm thi. Sau đó, thư kí tổng hợp điểm. Các giám khảo thảo luận, thống nhất điểm kết luận. Nếu có lệch khác thì thực hiện việc đối thoại theo quy định của Hội đồng thi.

6.4. Sau khi các tổ chấm hoàn thành việc chấm thi. Ban chấm thi chấm tập thể một số lượng bài thi nhất định trong mỗi hạng điểm của tất cả các tổ chấm để đối sánh kết quả chấm giữa các tổ, đảm bảo sự thống nhất trong đánh giá giữa các tổ chấm thi. Số lượng bài thi chấm tập thể do Chủ tịch Hội đồng thi quy định.

6.5. Hồ sơ chấm thi, kết quả chấm thi mỗi phần được bảo mật ngay sau khi kết thúc buổi chấm thi.

6.6. Chủ tịch Hội đồng thi phê duyệt kết quả thi sau khi Ban chấm thi đã hoàn thành việc tổng hợp điểm thi cuối cùng.

6.7. Kỳ thi không có phúc khảo kết quả bài thi. Trường hợp cần thiết, Chủ tịch Hội đồng thi chỉ quyết định kiểm tra lại quá trình tính điểm của bài thi.

**Phần thứ ba**  
**DẠNG THỨC BÀI THI NĂNG KHIẾU NGHỆ THUẬT THỊ GIÁC**  
**TUYỂN SINH ĐẠI HỌC NGÀNH NGHỆ THUẬT THỊ GIÁC**  
**(VÒNG CHUNG TUYỂN)**

-----

**1. Thông tin chung về bài thi**

**1.1. Tên bài thi**

- Tên tiếng Việt: Bài thi Năng khiếu Nghệ thuật thị giác
- Tên tiếng Anh: Visual Arts Aptitude Assessment
- Tên viết tắt: VAAA

**1.2. Mục tiêu đánh giá**

Bài thi Năng khiếu Nghệ thuật thị giác đánh giá năng lực thẩm mỹ của học sinh trung học phổ thông (THPT) được xác định trong chương trình giáo dục phổ thông (CTGDPT) hiện hành và CTGDPT mới ban hành kèm theo Thông tư 32/2018/BGD&ĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và có mục tiêu đánh giá tương đương với bài thi vẽ, vẽ năng khiếu, vẽ mỹ thuật của các trường đại học đào tạo mỹ thuật ứng dụng tại Việt Nam và bài thi của một số trường đại học quốc tế cùng lĩnh vực đào tạo.

Bài thi đánh giá bốn nhóm năng lực chính của thí sinh dự thi:

- Năng lực nhận thức các yếu tố thị giác;
- Năng lực phân tích, diễn giải hình ảnh;
- Năng lực tạo nghĩa;
- Năng lực ứng tác nhanh, kết nối ngữ cảnh địa phương

Yêu cầu về kiến thức, kỹ năng của mỗi năng lực được đánh giá như sau:

Năng lực	Yêu cầu về kiến thức	Yêu cầu về kỹ năng
Nhận thức các yếu tố thị giác	<ul style="list-style-type: none"><li>- Các yếu tố cơ bản trong nghệ thuật: đường nét, hình, phom, bố cục và không gian, cấu trúc bề mặt, sắc độ và màu sắc.</li><li>- Các nguyên lý cơ bản trong nghệ thuật thị giác: sự cân bằng (đối xứng, bất đối xứng), tỉ lệ, sự tương phản, điểm nhấn, nhịp điệu và chuyển động, sự lặp lại, đồng bộ.</li></ul>	Quan sát tinh tế, nhận biết, phân biệt và phân tích được các yếu tố và nguyên lý nghệ thuật được biểu hiện trong đời sống đương đại và biểu đạt trong tác phẩm.

Năng lực	Yêu cầu về kiến thức	Yêu cầu về kỹ năng
Phân tích, diễn giải hình ảnh	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiến thức nền tảng của nghệ thuật thị giác.</li> <li>- Các lĩnh vực nghệ thuật thị giác: lịch sử, xu hướng, trào lưu nghệ thuật, tác giả, tác phẩm..</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phân tích được ý nghĩa, chủ đề, ý tưởng, cảm hứng nghệ thuật.</li> <li>- Trình bày và diễn giải được tác phẩm nghệ thuật thị giác</li> </ul>
Tạo nghĩa	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiến thức không gian, ngôn ngữ đặc trưng của nghệ thuật thị giác</li> <li>- Quy trình và kỹ thuật.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kỹ năng sử dụng các công cụ vẽ: vẽ bút chì, bút kim</li> <li>- Kỹ năng ghi nhớ, tưởng tượng, khái quát hoá, trừu tượng hoá, liên tưởng hoá.</li> <li>- Kỹ năng tư duy sáng tạo những ý tưởng mới lạ, độc đáo và có giá trị nghệ thuật.</li> </ul>
Ứng tác nhanh, kết nối ngữ cảnh địa phương	Nhận thức ngữ cảnh, đặc điểm môi trường văn hóa lịch sử địa phương; kiến thức về mỹ thuật truyền thống Việt Nam	Kỹ năng ứng tác, đối thoại với ngữ cảnh địa phương, kết nối với những vấn đề xã hội đương thời để truyền tải cảm xúc cá nhân và tạo ý nghĩa, thông điệp cho tác phẩm

### 1.3. Các phần của bài thi

Để thực hiện mục tiêu đánh giá, căn cứ yêu cầu về kiến thức, kỹ năng của mỗi nhóm năng lực được đánh giá, bài thi được cấu trúc thành hai phần sau:

#### a) Phần thứ nhất

Chuyên ngành	Nhiếp ảnh nghệ thuật	Nghệ thuật tạo hình đương đại
Tên gọi	Thiết kế ý tưởng tác phẩm	Phác thảo ý tưởng tác phẩm
Hình thức thi	Sắp xếp hình ảnh	Vẽ đen trắng
Thời gian làm bài	120 phút	120 phút
Phương thức thi	Trực tiếp	Trực tiếp

#### b) Phần thứ hai

Chuyên ngành	Nhiếp ảnh nghệ thuật	Nghệ thuật tạo hình đương đại
Tên gọi	Giới thiệu ý tưởng tác phẩm	Giới thiệu ý tưởng tác phẩm
Hình thức thi	Phỏng vấn (*)	Phỏng vấn (*)
Thời gian làm bài	15 phút	15 phút
Phương thức thi	Trực tiếp	Trực tiếp

(\*) Phân bổ: + 5 phút - Thí sinh giới thiệu ý tưởng tác phẩm

+ 5 phút - Giám khảo phỏng vấn về ý tưởng tác phẩm

+ 5 phút - Giám khảo phỏng vấn về *Hồ sơ tác phẩm* (bài Sơ tuyển)

## 2. Cấu trúc và đề cương chi tiết của bài thi

### 2.1. Cấu trúc và yêu cầu làm bài

#### a) Phần thứ nhất

Chuyên ngành	Nhiếp ảnh nghệ thuật	Nghệ thuật tạo hình đương đại
Tên gọi	Thiết kế ý tưởng tác phẩm	Phác thảo ý tưởng tác phẩm
Yêu cầu 1	Làm bài thi trên khổ giấy A3 theo yêu cầu của đề thi với hình ảnh tùy chọn từ bộ dữ liệu hình ảnh đính kèm đề thi và có sử dụng công cụ hỗ trợ là bút chì đen, tẩy, thước kẻ, hồ, băng dính, kéo, dao trổ	Làm bài thi trên khổ giấy A3 theo yêu cầu của đề thi với công cụ làm bài là bút chì, bút kim, tẩy
Yêu cầu 2	Viết giới thiệu tác phẩm (*) theo yêu cầu của đề thi	Đặt tên tác phẩm (không yêu cầu diễn giải gì thêm)

#### Ghi chú

(\*) *Viết giới thiệu tác phẩm bao gồm: Tên tác phẩm, ý tưởng lựa chọn hình ảnh, ý tưởng sắp xếp bố cục hình ảnh trong khuôn hình và sơ lược về thông điệp tác phẩm.*

#### b) Phần thứ hai

Chuyên ngành	Nhiếp ảnh nghệ thuật	Nghệ thuật tạo hình đương đại
Tên gọi	Giới thiệu ý tưởng tác phẩm	Giới thiệu ý tưởng tác phẩm
Yêu cầu 1	Giải trình về ý tưởng tác phẩm (tên gọi, cảm hứng sáng tác, thông điệp...) và các kiến thức, kỹ năng nhiếp ảnh nghệ thuật <sup>(1)</sup> được áp dụng	Giải trình về ý tưởng tác phẩm (tên gọi, cảm hứng sáng tác, thông điệp...) và các kiến thức, kỹ năng nghệ thuật tạo hình <sup>(2)</sup> được áp dụng
Yêu cầu 2	Giới thiệu về thông điệp, phương pháp chủ đạo của <i>Hồ sơ tác phẩm</i> đã thực hiện và kiến thức, kỹ năng nhiếp ảnh nghệ thuật được áp dụng	Giới thiệu về thông điệp, phương pháp chủ đạo của <i>Hồ sơ tác phẩm</i> đã thực hiện và kiến thức, kỹ năng nghệ thuật tạo hình được áp dụng

#### Ghi chú:

<sup>(1)</sup> *Kiến thức, kỹ năng nhiếp ảnh nghệ thuật: Kiến thức mỹ thuật cơ bản (bố cục, tổ chức không gian) và kỹ năng lựa chọn, cắt, ghép, dán hình ảnh thủ công.*

<sup>(2)</sup> *Kiến thức, kỹ năng nghệ thuật tạo hình: Thở loại, chất liệu, vật liệu tiêu biểu, những thủ pháp, kỹ thuật cơ bản.*



## 2.2. Cơ cấu kiến thức, kỹ năng các phần thi

Cơ cấu kiến thức, kỹ năng các phần thi (chung cho cả hai hướng chuyên ngành) được phân bổ với tỷ lệ như sau:

### a) Phần thứ nhất

TT	Cơ cấu	Tỷ lệ
1	Bố cục khuôn hình và kết cấu không gian	30%
2	Tình tiết quan hệ, tạo nghĩa cho hình ảnh	30%
3	Dấu ấn cá tính sáng tạo, thủ pháp nghệ thuật	30%
4	Kỹ năng tạo hình	10%
	Tổng cộng:	100%

### b) Phần thứ hai

- Về giải trình tác phẩm: 50%
- Về kiến thức nghệ thuật thị giác: 50%

-----  
Tổng: 100%

## 2.3. Đề cương chi tiết của bài thi

### 2.3.1. Chuyên ngành Nhiếp ảnh nghệ thuật

#### a) Phần thứ nhất

Lĩnh vực kiến thức và kỹ năng	Dạng thức đề thi	Yêu cầu về quy cách	Mục tiêu đánh giá
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các yếu tố và nguyên tắc mỹ thuật cơ bản: đường nét, hình khối, bố cục và không gian, tương phản, nhịp điệu...</li> <li>- Quan hệ nhân vật với không gian và thời gian.</li> <li>- Kỹ năng lựa chọn, cắt, ghép, dán dán hình ảnh</li> </ul>	Sắp xếp hình ảnh từ ngân hàng hình ảnh theo chủ đề	Làm bài trên khổ giấy A3 (297 mm x 420 mm). Tưởng tượng ra một câu chuyện hình ảnh, sau đó sử dụng nguồn hình ảnh có sẵn, tái cấu trúc lại bằng các thao tác cắt, trở, xé...sau đó dán lại và có thể điều chỉnh sắc độ, tạo kết nối các hình ảnh bằng bút chì, tẩy (nếu muốn) theo một ý đồ bố cục để tạo nên ý nghĩa mới.	<p>Năng lực tái hiện và khả năng ghi nhớ, tưởng tượng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ứng dụng được các yếu tố, nguyên tắc mỹ thuật, thủ pháp nghệ thuật</li> <li>- Quan sát, ghi nhớ và tưởng tượng.</li> <li>- Khả năng xây dựng tình tiết, không gian, quan hệ tương tác của nhân vật</li> <li>- Tích hợp được các chiều cạnh văn hóa, xã hội trong tác phẩm nghệ thuật thị giác để tái khám phá những giá trị truyền thống của dân tộc</li> </ul>

#### b) Phần thứ hai

Lĩnh vực kiến thức và kỹ năng	Dạng thức đề thi	Yêu cầu về quy cách	Mục tiêu đánh giá
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các yếu tố và nguyên tắc nhiếp ảnh cơ bản: đường nét, hình khối, bố cục khuôn hình và không gian</li> <li>- Kiến thức chung về văn hóa, xã hội, lịch sử</li> <li>- Kiến thức về các thể loại nhiếp ảnh, đặc biệt về nhiếp ảnh nghệ thuật đương đại</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Câu hỏi phỏng vấn liên quan đến tên tác phẩm, nội dung, hình thức, thông điệp của tác phẩm</li> <li>- Câu hỏi bổ sung về các lĩnh vực nghệ thuật thị giác.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời gian trả lời cho câu hỏi bắt buộc: + 5 phút: Thí sinh giới thiệu ý tưởng tác phẩm</li> <li>+ 5 phút: Giám khảo vấn hỏi về ý tưởng tác phẩm</li> <li>+ 5 phút: Giám khảo vấn hỏi về <i>Hồ sơ tác phẩm (portfolio)</i></li> </ul>	<p>Năng lực nhận thức thẩm mỹ và lý tưởng nghề nghiệp:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết thẩm mỹ thông qua các yếu tố tạo hình, nguyên tắc cơ bản của nghệ thuật thị giác.</li> <li>- Phân tích và đánh giá các yếu tố mỹ thuật và biểu hiện/biểu đạt nghệ thuật trong các tác phẩm nghệ thuật.</li> <li>- Trình bày và diễn giải được tác phẩm nghệ thuật thị giác, các tác phẩm tác giả tiêu biểu nổi tiếng về nhiếp ảnh nghệ thuật.</li> <li>- Sự hiểu biết trong lĩnh vực nghệ thuật thị giác về lịch sử, xu hướng, trào lưu, tên tác phẩm, tác giả, chủ đề chính của tác phẩm/công trình nghệ thuật mà thí sinh yêu thích</li> </ul>

### 2.3.2. Chuyên ngành Nghệ thuật tạo hình đương đại

#### a) Phần thứ nhất

Lĩnh vực kiến thức và kỹ năng	Dạng thức đề thi	Yêu cầu về quy cách	Mục tiêu đánh giá
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các yếu tố và nguyên tắc mỹ thuật cơ bản: đường nét, hình, bố cục và không gian, cấu trúc bề mặt, sắc độ, tỉ lệ, nhịp điệu đường nét,...</li> <li>- Không gian và ánh sáng.</li> <li>- Kỹ thuật vẽ bằng bút chì đen, bút kim.</li> </ul>	<p>Vẽ phác thảo ý tưởng tác phẩm trên khổ giấy A3 bằng bút chì đen, bút kim theo yêu cầu của đề thi dựa trên khả năng quan sát, ghi nhớ và trí tưởng tượng của thí sinh.</p>	<p>Khổ giấy A3 (420 mm x 297 mm)</p>	<p>Năng lực tái hiện và khả năng ghi nhớ, tưởng tượng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ứng dụng được các yếu tố, nguyên tắc mỹ thuật.</li> <li>- Quan sát, ghi nhớ và tưởng tượng.</li> <li>- Khả năng xây dựng tình tiết, không gian, quan hệ tương tác của nhân vật</li> <li>- Tích hợp được các chiều cạnh văn hóa, xã hội trong tác phẩm nghệ thuật thị giác để tái khám phá những giá trị truyền thống của dân tộc</li> </ul>

#### b) Phần 2 – Phỏng vấn

Lĩnh vực kiến thức và kỹ năng	Dạng thức đề thi	Yêu cầu về quy cách	Mục tiêu đánh giá
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các yếu tố và nguyên tắc mỹ thuật cơ bản: đường nét, hình khối, bố cục và không gian, cấu trúc bề mặt, sắc độ và màu sắc, tỉ lệ, tương phản,...</li> <li>- Các vấn đề chung của đời sống xã hội đương đại</li> <li>- Các xu hướng nghệ thuật tạo hình đương đại</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Câu hỏi phỏng vấn liên quan đến tên tác phẩm, nội dung, hình thức, thông điệp của tác phẩm.</li> <li>- Câu hỏi bổ sung về các lĩnh vực nghệ thuật tạo hình đương đại.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời gian trả lời cho câu hỏi bắt buộc: + 5 phút: Thí sinh giới thiệu ý tưởng tác phẩm</li> <li>+ 5 phút: Giám khảo vấn hỏi về ý tưởng tác phẩm</li> <li>+ 5 phút: Giám khảo vấn hỏi về Hồ sơ tác phẩm (portfolio)</li> </ul>	<p>Năng lực nhận thức thẩm mỹ và lý tưởng nghề nghiệp:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết thẩm mỹ thông qua các yếu tố tạo hình, nguyên tắc cơ bản của nghệ thuật thị giác.</li> <li>- Phân tích và đánh giá các yếu tố mỹ thuật và biểu hiện/ biểu đạt nghệ thuật trong các tác phẩm nghệ thuật.</li> <li>- Trình bày và diễn giải được tác phẩm nghệ thuật thị giác.</li> <li>- Sự hiểu biết trong lĩnh vực nghệ thuật thị giác về lịch sử, xu hướng, trào lưu, tên tác phẩm, tác giả, chủ đề chính của tác phẩm/công trình nghệ thuật mà thí sinh yêu thích</li> </ul>

Lưu ý: Thí sinh không sao chép, tái hiện lại hoặc mô phỏng nguyên bản những tác phẩm nghệ thuật của người khác

### 3. Phương pháp tính điểm bài thi

- Bài thi chấm theo thang điểm 10, chấm điểm lẻ đến 0.1 điểm.
- Trọng số điểm của mỗi phần:
  - + Phần thứ nhất: 70% tổng điểm toàn bài thi.
  - + Phần thứ hai: 30% tổng điểm toàn bài thi.

### 4. Mục tiêu, tiêu chí, thang đo và thang điểm đánh giá

#### 4.1. Chuyên ngành Nhiếp ảnh nghệ thuật

##### 4.1.1. Phần thứ nhất – Thiết kế ý tưởng tác phẩm

##### a) Mục tiêu đánh giá

- [M1.1] Bố cục, tỉ lệ, tạo hình;
- [M1.2] Xếp đặt chủ thể/đối tượng phù hợp với chủ đề;
- [M1.3] Xếp đặt nhân vật/vật thể có chính phụ
- [M1.4] Xếp đặt nhân vật/vật thể có dụng ý nghệ thuật, thể hiện được thủ pháp nghệ thuật

##### b) Tiêu chí đánh giá

- [N1.1] Năng lực thẩm mỹ;
- [N1.2] Tư duy, ý tưởng sáng tạo;
- [N1.3] Truyền tải và biểu hiện cảm xúc.

c) Thang đo tiêu chí đánh giá

Tiêu chí	Tốt 85% - 100%	Khá 70% - cận 85%	Đạt 50% - cận 70%	Chưa đạt Dưới 50%
N1.1	Năng lực thẩm mỹ: bố cục, màu sắc, tỷ lệ, hình, kỹ thuật thể hiện đúng, đầy đủ, rõ theo nguyên lý cơ bản và chủ đề thi.	Năng lực thẩm mỹ: bố cục, màu sắc, tỷ lệ, hình, kỹ thuật thể hiện đúng, đầy đủ theo nguyên lý cơ bản và chủ đề thi.	Năng lực thẩm mỹ: bố cục, màu sắc, tỷ lệ, hình, kỹ thuật thể hiện đúng theo nguyên lý cơ bản.	Năng lực thẩm mỹ: bố cục, màu sắc, tỷ lệ, hình, kỹ thuật chưa thể hiện đúng, đầy đủ theo nguyên lý cơ bản và chủ đề thi.
N1.2	Bài thi thể hiện tư duy, ý tưởng sáng tạo độc đáo, mới lạ của cá nhân.	Bài thi thể hiện tư duy, ý tưởng sáng tạo rõ ràng.	Bài thi thể hiện được một trong hai khả năng tư duy, ý tưởng sáng tạo.	Bài thi chưa thể hiện được tư duy ý tưởng sáng tạo.
N1.3	Bài thi thể hiện được lý tưởng thẩm mỹ, truyền tải cảm xúc, và ý nghĩa, thông điệp của tác phẩm rõ ràng.	Bài thi thể hiện được tình cảm thẩm mỹ, truyền tải và biểu hiện cảm xúc và ý nghĩa, thông điệp của tác phẩm.	Bài thi có thể hiện được một trong hai khả năng truyền tải, biểu hiện cảm xúc, ý nghĩa và thông điệp của tác phẩm.	Bài thi chưa truyền tải được cảm xúc, ý nghĩa và thông điệp của tác phẩm.

d) Thang điểm đánh giá

Tiêu chí	Mục tiêu bài thi bố cục trang trí màu				Tổng điểm
	M1.1	M1.2	M1.3	M1.4	
N1.1	1	1	1	1	4
N1.2	1	1	1	1	4
N1.3	0.5	0.5	0.5	0.5	2
Tổng cộng:					10

**4.1.2. Phần thứ hai – Phỏng vấn**

a) Mục tiêu đánh giá

- [M1.5] Lý tưởng thẩm mỹ và nghề nghiệp, sự sẵn sàng của bản thân để học tập thành công với ngành đã chọn;
- [M1.6] Hiểu biết về kỹ năng chuyên môn nghề nghiệp;
- [M1.7] Năng lực nhận thức và phân tích đánh giá các yếu tố thẩm mỹ;
- [M1.8] Sự cảm nhận và hiểu biết trong lĩnh vực nghệ thuật nhiếp ảnh.

b) Tiêu chí đánh giá

- [P1.1] Đáp ứng yêu cầu về nội dung trả lời câu hỏi;
- [P1.2] Sự sáng tạo trong nội dung câu trả lời;
- [P1.3] Phong thái và kỹ năng giao tiếp.

c) Thang đo tiêu chí đánh giá

Tiêu chí	Tốt 85% - 100%	Khá 70% - cận 85%	Đạt 50% - cận 70%	Chưa đạt Dưới 50%
P1.1	Tất cả nội dung đều rõ ràng, sâu sắc, độc đáo, thông tin đầy đủ, có sức thuyết phục tốt.	Tất cả nội dung đều rõ ràng, thông tin đầy đủ, có sức thuyết phục.	Tất cả nội dung và thông tin cơ bản, đủ độ thuyết phục.	Tất cả nội dung chưa rõ ràng, thông tin không đầy đủ, thiếu sức thuyết phục.
P1.2	Cấu trúc mạch lạc, luận điểm sáng tạo, hợp lý, luận cứ rõ ràng.	Cấu trúc mạch lạc, luận điểm hợp lý, luận cứ rõ ràng.	Cấu trúc mạch lạc, luận điểm cơ bản và luận cứ cơ bản.	Cấu trúc không rõ ràng, thiếu liên kết, thiếu luận điểm và luận cứ.
P1.3	Ấn tượng, lưu loát, tự tin trong toàn bộ nội dung trả lời.	Ấn tượng, lưu loát, tự tin, trong hầu hết nội dung trả lời.	Ấn tượng, lưu loát, tự tin trong những nội dung trả lời cơ bản.	Không ấn tượng, lưu loát, tự tin, không thuyết phục trong những nội dung trả lời.

d) Thang điểm đánh giá

Tiêu chí	Mục tiêu phỏng vấn				Tổng điểm
	M1.5	M1.6	M1.7	M1.8	
P1.1	1	1	1	1	4
P1.2	1	1	1	1	4
P1.3	0.5	0.5	0.5	0.5	2
Tổng cộng					10

## 4.2. Chuyên ngành Nghệ thuật tạo hình đương đại

### 4.2.1. Phần thứ nhất – Phác thảo ý tưởng tác phẩm

a) Mục tiêu đánh giá

- [M2.1] Bố cục, tỉ lệ, tạo hình;
- [M2.2] Phác họa nhân vật phù hợp với chủ đề;
- [M2.2] Phác họa nhân vật có chính phụ
- [M2.4] Phác họa nhân vật có dụng ý nghệ thuật

b) Tiêu chí đánh giá

- [V2.1] Năng lực thẩm mỹ;
- [V2.2] Tư duy, ý tưởng sáng tạo
- [V2.3] Truyền tải và biểu hiện cảm xúc.

c) Thang đo tiêu chí đánh giá

Tiêu chí	Tốt	Khá	Đạt	Chưa đạt
	85% - 100%	70% - cận 85%	50% - cận 70%	Dưới 50%
V2.1	Năng lực thẩm mỹ: thể hiện đúng, đầy đủ, rõ theo nguyên lý cơ bản và chủ đề thi.	Năng lực thẩm mỹ: thể hiện đúng, đầy đủ, rõ theo nguyên lý cơ bản và chủ đề thi.	Năng lực thẩm mỹ: thể hiện đúng, đầy đủ, rõ theo nguyên lý cơ bản và chủ đề thi.	Năng lực thẩm mỹ: thể hiện đúng, đầy đủ, rõ theo nguyên lý cơ bản và chủ đề thi.
V2.2	Bài thi thể hiện tư duy, ý tưởng sáng tạo độc đáo, mới lạ của cá nhân.	Bài thi thể hiện tư duy, ý tưởng sáng tạo rõ ràng.	Bài thi thể hiện được một trong hai khả năng tư duy, ý tưởng sáng tạo.	Bài thi chưa thể hiện được tư duy ý tưởng sáng tạo.
V2.3	Bài thi thể hiện được lý tưởng thẩm mỹ, truyền tải cảm xúc, và ý nghĩa, thông điệp của tác phẩm rõ ràng.	Bài thi thể hiện được tình cảm thẩm mỹ, truyền tải và biểu hiện cảm xúc và ý nghĩa, thông điệp của tác phẩm.	Bài thi có thể hiện được một trong hai khả năng truyền tải, biểu hiện cảm xúc, ý nghĩa và thông điệp của tác phẩm.	Bài thi chưa truyền tải được cảm xúc, ý nghĩa và thông điệp của tác phẩm.

d) Thang điểm đánh giá

Tiêu chí	Mục tiêu bài thi phác thảo ý tưởng tác phẩm				Tổng điểm
	M2.1	M2.2	M2.3	M2.4	
V2.1	1	1	1	1	4
V2.2	1	1	1	1	4
V2.3	0.5	0.5	0.5	0.5	2
Tổng cộng:					10

#### 4.2.2. Phần thứ hai – Phỏng vấn

##### a) Mục tiêu đánh giá

- [M2.5] Lý tưởng thẩm mỹ và nghề nghiệp, sự sẵn sàng của bản thân để học tập thành công với ngành đã chọn;
- [M2.6] Hiểu biết về kỹ năng chuyên môn nghề nghiệp;
- [M2.7] Năng lực nhận thức và phân tích đánh giá các yếu tố thẩm mỹ;
- [M2.8] Sự cảm nhận và hiểu biết trong lĩnh vực nghệ thuật tạo hình.

##### b) Tiêu chí đánh giá

- [P2.1] Đáp ứng yêu cầu về nội dung trả lời câu hỏi;
- [P2.2] Sự sáng tạo trong việc tổ chức nội dung câu trả lời;
- [P2.3] Phong thái và kỹ năng giao tiếp.

##### c) Thang đo tiêu chí đánh giá

Tiêu chí	Tốt	Khá	Đạt	Chưa đạt
	85% - 100%	70% - cận 85%	50% - cận 70%	Dưới 50%
P2.1	Tất cả nội dung đều rõ ràng, sâu sắc, độc đáo, thông tin đầy đủ, có sức thuyết phục tốt.	Tất cả nội dung đều rõ ràng, thông tin đầy đủ, có sức thuyết phục.	Tất cả nội dung và thông tin cơ bản, đủ độ thuyết phục.	Tất cả nội dung chưa rõ ràng, thông tin không đầy đủ, thiếu sức thuyết phục.
P2.2	Cấu trúc mạch lạc, luận điểm sáng tạo, hợp lý, luận cứ rõ ràng.	Cấu trúc mạch lạc, luận điểm hợp lý, luận cứ rõ ràng.	Cấu trúc mạch lạc, luận điểm cơ bản và luận cứ cơ bản.	Cấu trúc không rõ ràng, thiếu liên kết, thiếu luận điểm và luận cứ.

Tiêu chí	Tốt	Khá	Đạt	Chưa đạt
	85% - 100%	70% - cận 85%	50% - cận 70%	Dưới 50%
P2.3	Ấn tượng, lưu loát, tự tin trong toàn bộ nội dung trả lời.	Ấn tượng, lưu loát, tự tin, trong hầu hết nội dung trả lời.	Ấn tượng, lưu loát, tự tin trong những nội dung trả lời cơ bản.	Không ấn tượng, lưu loát, tự tin, không thuyết phục trong những nội dung trả lời.

d) Thang điểm đánh giá

Tiêu chí	Mục tiêu phỏng vấn				Tổng điểm
	M2.5	M2.6	M2.7	M2.8	
P2.1	1	1	1	1	4
P2.2	1	1	1	1	4
P2.3	0.5	0.5	0.5	0.5	2
Tổng cộng					10

## 5. Phương pháp làm bài

### 5.1. Phần thứ nhất

#### a) *Nhiếp ảnh nghệ thuật: Thiết kế ý tưởng tác phẩm*

- Thí sinh đọc kỹ yêu cầu của đề thi và phác thảo bản thảo bố cục ý tưởng trên giấy nháp được phát bởi Hội đồng thi.

- Thí sinh thực hiện bài thiết kế ý tưởng trên giấy thi: Dựa vào ngân hàng dữ liệu hình ảnh để đề xuất ý tưởng tác phẩm. Tờ giấy thi được kẹp, dán lên trên một tấm bìa (hoặc tương tự) đủ cứng có cùng kích thước với tờ giấy thi để giữ ổn định giấy thi do thí sinh chuẩn bị.

- Thí sinh sử dụng dao kéo, hồ dán, bút chì, tẩy .. để đính các hình ảnh đã lựa chọn và xử lý bằng các thao tác như cắt, trở, xé, điều chỉnh sắc độ, hay thêm bớt sự kết nối các hình ảnh bằng bút chì và tẩy (nếu muốn)... lên một khuôn khổ giấy thi A3 với hình dạng tùy ý (chữ nhật, vuông, tròn, tam giác).

#### b) *Nghệ thuật tạo hình đương đại: Phác thảo ý tưởng tác phẩm*

- Thí sinh đọc kỹ yêu cầu của đề thi và phác thảo bản thảo ý tưởng trên giấy nháp được phát bởi Hội đồng thi.

- Thí sinh thực hiện bài vẽ trên giấy thi khổ A3 với hình dạng tùy ý (chữ nhật, vuông, tròn, tam giác)

- Thí sinh sử dụng bút chì, bút kim thể hiện bài phác thảo thể hiện rõ ý đồ tác phẩm, đúng yêu cầu, có tính độc đáo, biểu hiện cảm xúc và ý nghĩa chủ đề.



## **5.2. Phần thi Phỏng vấn:**

- Thí sinh có thể trả lời ngay hoặc chuẩn bị sau khi nhận được câu hỏi, nhưng thời gian chuẩn bị vẫn được tính vào tổng thời gian trả lời phỏng vấn.

- Thí sinh được yêu cầu dừng trả lời khi hết thời gian và bài thi được đánh giá trên cơ sở nội dung đã trả lời.

## **6. Phương pháp chấm điểm bài thi**

### **6.1. Phần thi Phỏng vấn**

Phần thi Phỏng vấn do 2 giám khảo chấm bằng phiếu chấm thi. Giám khảo ghi phiếu chấm ngay sau khi kết thúc phỏng vấn thí sinh. Cuối mỗi buổi thi, các giám khảo họp lại để thống nhất điểm kết luận cho mỗi thí sinh. Hội đồng thi quy định cụ thể phương thức xử lý kết quả chấm lệch khác giữa hai giám khảo.

### **6.2. Phần thi Thực hành**

Sau khi kết thúc chấm thi phỏng vấn của mỗi ca thi. Giám khảo (2 người) tiếp tục chấm phần thi Thực hành ngay tại phòng thi. Việc chấm thi được ghi lại trên phiếu chấm. Hai giám khảo thống nhất điểm kết luận cho mỗi thí sinh. Hội đồng thi quy định cụ thể phương thức xử lý kết quả chấm lệch khác giữa hai giám khảo.

### **6.3. Chấm kết luận**

Sau khi các tổ chấm hoàn thành việc chấm thi. Ban chấm thi chấm tập thể một số lượng bài thi thực hành nhất định trong mỗi hạng điểm của tất cả các tổ chấm để đối sánh kết quả chấm giữa các tổ, đảm bảo sự thống nhất trong đánh giá giữa các tổ chấm thi. Số lượng bài thi chấm tập thể do Chủ tịch Hội đồng thi quy định.

6.4. Hồ sơ chấm thi, kết quả chấm thi mỗi phần được bảo mật ngay sau khi kết thúc buổi chấm thi.

6.5. Tổ thư ký chấm thi tổng hợp điểm cả hai phần thi, báo cáo Trưởng Ban chấm thi duyệt và trình Hội đồng thi xét, công nhận kết quả thi.

6.6. Kỳ thi không có phúc khảo kết quả bài thi, phần thi. Trường hợp cần thiết, Chủ tịch Hội đồng thi quyết định việc kiểm tra lại việc ghi chép, tính điểm trong hồ sơ chấm thi./.